

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019
đến ngày 31 tháng 03 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 44

2357
HỘI
TN
TOÁN
AM VI
7.P

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 12/03/2019)
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 12/03/2019)
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 12/03/2019)
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Mai Thị Thúy Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Minh Huân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Hồng Phong	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc ngày 12/03/2019)
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/03/2019)
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Việt Linh	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2019

Số: 19.644/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 06 năm 2019 từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2019, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2019

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2015-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/03/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		400.555.157.639	557.186.892.203
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	49.084.263.033	26.180.754.242
1. Tiền	111		49.084.263.033	26.180.754.242
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	13.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	13.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		266.323.503.794	435.184.931.296
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	180.439.998.596	344.187.737.372
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	18.954.618.347	11.489.157.327
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1.895.000.000	1.395.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	67.541.349.487	80.620.499.233
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.507.462.636)	(2.507.462.636)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	83.296.502.621	81.539.288.418
1. Hàng tồn kho	141		83.303.940.419	81.546.726.216
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.437.798)	(7.437.798)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.850.888.191	1.281.918.246
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		270.953.016	231.968.202
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		117.051.838	22.084.079
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	1.462.883.337	1.027.865.965
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		220.530.540.452	117.885.755.119
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		108.180.558.657	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.3	108.180.558.657	-
II. Tài sản cố định	220		50.396.014.837	26.837.789.027
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	39.157.831.625	16.527.561.322
Nguyên giá	222		91.168.221.401	65.931.683.179
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.010.389.776)	(49.404.121.857)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.8	9.096.581.547	10.257.870.024
Nguyên giá	225		13.935.461.726	13.935.461.726
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.838.880.179)	(3.677.591.702)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	2.141.601.665	52.357.681
Nguyên giá	228		3.445.930.675	1.344.773.454
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.304.329.010)	(1.292.415.773)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		64.215.400	27.341.372.479
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.10	64.215.400	27.341.372.479
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	44.370.695.429	46.329.764.341
1. Đầu tư vào công ty con	251		55.050.000.000	55.050.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		6.635.000.000	5.860.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		600.000.000	315.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(17.914.304.571)	(14.895.235.659)
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.519.056.129	17.376.829.272
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	17.491.480.051	17.286.343.788
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		27.576.078	90.485.484
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		621.085.698.091	675.072.647.322

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/03/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		506.522.926.710	548.349.433.097
I. Nợ ngắn hạn	310		491.800.285.733	544.344.920.529
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	97.659.741.642	212.650.446.166
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	35.253.933.440	20.111.947.325
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	3.314.818.797	5.572.188.674
4. Phải trả người lao động	314		-	3.211.035.611
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	1.925.560.952	1.765.560.952
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.16	4.516.309.109	3.968.610.749
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	4.067.108.732	4.123.366.373
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	345.062.813.061	292.941.764.679
II. Nợ dài hạn	330		14.722.640.977	4.004.512.568
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.12	11.464.261.987	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	3.258.378.990	4.004.512.568
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		114.562.771.381	126.723.214.225
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19.1	114.562.771.381	126.723.214.225
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.19.2	98.999.060.000	98.999.060.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		98.999.060.000	98.999.060.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.440.139.770	3.440.139.770
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.123.571.611	24.284.014.455
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		10.709.538.364	12.104.536.767
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.414.033.247	12.179.477.688
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		621.085.698.091	675.072.647.322



Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2019

Bùi Thị Thúy Hồng
Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Nam
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019	Năm 2018 (Xem TM số 10)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	159.900.385.812	863.911.217.895
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		159.900.385.812	863.911.217.895
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	134.265.134.394	776.593.428.541
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.635.251.418	87.317.789.354
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	350.414.490	9.840.910.391
6. Chi phí tài chính	22	5.4	8.183.814.816	28.951.058.262
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		5.131.196.347	19.507.541.124
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	4.166.253.743	13.910.258.117
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	12.385.357.802	52.163.530.321
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.250.239.547	2.133.853.045
10. Thu nhập khác	31	5.7	596.685.734	11.789.828.551
11. Chi phí khác	32		5.000.000	1.133.159.497
12. Lợi nhuận khác	40		591.685.734	10.656.669.054
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.841.925.281	12.790.522.099
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	364.982.628	512.766.565
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		62.909.406	98.277.847
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.414.033.247	12.179.477.688



Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2019

Bùi Thị Thúy Hồng
Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Nam
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019	Năm 2018 (Xem TM số 10)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.841.925.281	12.790.522.099
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	3.810.013.633	11.955.040.148
Các khoản dự phòng	03		3.019.068.912	8.254.379.064
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.3	(6.905.574)	(256.714.315)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(336.927.541)	(9.163.720.791)
Chi phí lãi vay	06	5.4	5.131.196.347	19.507.541.124
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		13.458.371.058	43.087.047.330
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		55.479.663.451	65.668.230.819
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.757.214.203)	(35.409.706.393)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(96.628.381.705)	(14.070.669.341)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(244.121.077)	(2.842.673.952)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		13.000.000.000	(13.000.000.000)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.131.196.347)	(19.507.541.124)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(800.000.000)	(2.700.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(573.585.969)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(22.622.878.822)	20.651.101.370
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(41.780.717.554)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		636.363	6.078.716.568
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(500.000.000)	(1.395.000.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.060.000.000)	(29.175.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.150.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.507.511.441	7.338.155.223
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.948.147.804	(57.783.845.763)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019	Năm 2018 (Xem TM số 10)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	210.078.431.595	701.788.585.363
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(157.932.443.213)	(665.959.928.839)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(771.073.578)	(6.821.714.846)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(9.788.644.850)	(7.957.296.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		41.586.269.954	21.049.645.553
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		22.911.538.936	(16.083.098.840)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		26.180.754.242	42.293.895.367
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(8.030.145)	(30.042.285)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.1	49.084.263.033	26.180.754.242



Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2019

Bùi Thị Thúy Hồng
Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Nam
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 03 năm 2019.

Ngày 11 tháng 12 năm 2007, Công ty đã đăng ký là Công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 10 năm 2016, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 131/2016/GCNCP-VSD vào ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 98.999.060.000 đồng, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/03/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Đức Quang	Việt Nam	18.878.930.000	19,07	18.878.930.000	19,07
Cổ đông khác	Việt Nam	80.120.130.000	80,93	80.120.130.000	80,93
Cộng		98.999.060.000	100,00	98.999.060.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 là 130 (01/01/2019: 134).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh tích hợp hệ thống công nghệ thông tin.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

phép lưu hành (không mua bán bằng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:					
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đầu	Gian hàng số T3-B4L, Tầng hầm, Tòa nhà Topaz, Số 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	71%	71%	71%
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ Số Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	73%	73%	73%
3.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	60%	60%	60%
4.	Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	Phòng 26, nhà 8, Đường số 3, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	61%	61%	61%
5.	Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	90%	90%	90%
6.	Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	90%	97,83%	97,83%
7.	Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết:					
1.	Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	61C Tú Xương, Phường 07, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	20%	46,56%	46,56%
2.	Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	585/6 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	22,27%	28,82%	28,82%
3.	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	Phòng 701 Tầng 7, 45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	30%	78,95%	78,95%
4.	Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos	Số 54a ngõ 218 đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	20%	3,65%	3,65%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 03 năm 2019 gồm:

STT	Tên	Địa chỉ
1.	Chi nhánh tại Hà Nội	Tầng 3, CT1AB, Khu đô thị VOV Mỹ Trì - Phường Mỹ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam
2.	Chi nhánh tại Đà Nẵng	Số 02 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm hiện hành và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm tiếp theo; riêng kỳ kế toán chuyển đổi bắt đầu từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

Từ ngày
01/01/2019 đến
ngày 31/03/2019

- | | |
|----------------------------------|-----------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 15 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 3 – 5 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 6 năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê. Thời gian khấu hao ước tính cho máy móc thiết bị là 3 năm.

3.10. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.11. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước về số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp.

3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

3.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng như các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 là 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.21. Thuế (Tiếp theo)

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.21. Thuế (Tiếp theo)

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 60/ĐK-DNKHCN vào ngày 31/07/2018 từ Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty được công nhận danh mục 16 sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ.

Căn cứ theo Thông tư liên tịch số 17/2012/TTLT-BKHHCN-BTC-BNV ngày 10/09/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về doanh nghiệp Khoa học và công nghệ, Công ty được ưu đãi như sau:

- Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ (năm 2011);
- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2011).

Riêng giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2019 đến 31 tháng 03 năm 2019, Công ty lựa chọn nộp thuế theo mức thuế suất không được hưởng ưu đãi là 20% của năm chuyển đổi kỳ tính thuế và tiếp tục hưởng ưu đãi thuế TNDN sang các năm kế tiếp theo quy định của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phần mềm tin học: không chịu thuế;
- Hàng hóa: 10%;
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	30.661.529.419	7.394.496.352
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.422.733.614	18.786.257.890
Cộng	<u>49.084.263.033</u>	<u>26.180.754.242</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
		Dự phòng		Dự phòng
		VND		VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	12.650.000.000	-	12.650.000.000	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	7.300.000.000	(7.300.000.000)	7.300.000.000	(8.690.641.654)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu	6.000.000.000	(1.177.916.057)	6.000.000.000	(964.399.074)
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	6.100.000.000	-	6.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	9.000.000.000	(4.447.562.179)	9.000.000.000	(2.320.256.447)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	5.000.000.000	(3.073.437.524)	5.000.000.000	(2.919.938.484)
Cộng	55.050.000.000	(15.998.915.760)	55.050.000.000	(14.895.235.659)

(Xem tiếp trang sau)

36
 BAN
 TÀI
 CHÁI
 MVI
 7.P

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Đầu tư vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Mideas	2.400.000.000	(794.908.339)	2.400.000.000	-
Công ty TNHH giải pháp công nghệ DCT	1.960.000.000	(660.135.528)	1.960.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	1.875.000.000	-	1.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Học liệu điện tử Pharos	400.000.000	(400.000.000)	400.000.000	-
Cộng	6.635.000.000	(1.855.043.867)	5.860.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Thông Minh	600.000.000	(60.344.944)	315.000.000	-
Cộng	600.000.000	(60.344.944)	315.000.000	-

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu của khách hàng**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – xem thêm mục 7	52.090.549.138	112.749.227.078
Phải thu từ khách hàng:		
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao	36.203.153.580	36.203.153.580
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	31.681.287.480	14.283.173.175
Tập đoàn Công Nghiệp - Viễn Thông Quân Đội	7.180.295.100	11.071.549.500
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	9.120.862.000	9.120.862.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	-	72.446.232.597
Cảng Hàng Không Quốc Tế Nội Bài - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	-	8.992.280.273
Các khách hàng khác	44.163.851.298	79.321.259.169
Cộng	<u>180.439.998.596</u>	<u>344.187.737.372</u>
Dài hạn:		
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – xem thêm mục 7	35.734.326.060	-
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	72.446.232.597	-
Cộng	<u>108.180.558.657</u>	<u>-</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán là các bên có liên quan – xem thêm mục 7	25.812.136	64.046.322
Trả trước cho người bán:		
Blue Sky Solutions Global Trading Co., Ltd	3.646.784.323	-
Vertika Helio Communications Inc	2.750.918.800	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bò Câu	2.166.893.244	2.166.893.244
Công ty Cổ phần Tư vấn, Ứng dụng và Phát triển Công Nghệ	1.477.800.000	-
Uromax (Singapore) Pte., Ltd	1.033.923.421	-
Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm và Hỗ trợ Công nghệ	302.872.016	1.166.079.956
ler Pte Ltd	-	1.519.927.804
Các nhà cung cấp khác	7.549.614.407	6.572.210.001
Cộng	18.954.618.347	11.489.157.327

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/03/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về tạm ứng	1.080.576.198	-	1.028.067.668	-
Ký cược, ký quỹ	65.160.096.136	-	69.924.194.068	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia – Xem thêm mục 7	1.270.226.238	-	6.440.810.138	-
Phải thu khác	30.450.915	-	3.227.427.359	-
Cộng	67.541.349.487	-	80.620.499.233	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/03/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	4.391.532.578	-
Hàng tại kho Công ty	5.597.661.558	(7.437.798)	5.582.441.815	(7.437.798)
Hàng đã xuất kho triển khai	70.431.375.384	-	58.439.743.397	-
Kho theo dõi hàng cho thuê	54.393.175	-	54.393.175	-
Kho theo dõi hàng Hà Nội	768.950.544	-	768.950.544	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.451.559.758	-	12.309.664.707	-
Cộng	<u>83.303.940.419</u>	<u>(7.437.798)</u>	<u>81.546.726.216</u>	<u>(7.437.798)</u>

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND	VND	
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2019	16.424.505.655	46.579.443.414	2.927.734.110	65.931.683.179
Chuyển từ XDCB	17.920.675.253	7.346.406.969	-	25.267.082.222
Thanh lý, nhượng bán	-	(30.544.000)	-	(30.544.000)
Tại ngày 31/03/2019	<u>34.345.180.908</u>	<u>53.895.306.383</u>	<u>2.927.734.110</u>	<u>91.168.221.401</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2019	7.639.555.275	39.908.331.362	1.856.235.220	49.404.121.857
Khấu hao trong kỳ	404.835.900	2.141.016.265	90.959.754	2.636.811.919
Thanh lý, nhượng bán	-	(30.544.000)	-	(30.544.000)
Tại ngày 31/03/2019	<u>8.044.391.175</u>	<u>42.018.803.627</u>	<u>1.947.194.974</u>	<u>52.010.389.776</u>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2019	8.784.950.380	6.671.112.052	1.071.498.890	16.527.561.322
Tại ngày 31/03/2019	<u>26.300.789.733</u>	<u>11.876.502.756</u>	<u>980.539.136</u>	<u>39.157.831.625</u>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 8.492.118.700 đồng – Xem thêm mục 4.18.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 18.408.578.458 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tài sản cố định thuê tài chính**

Máy móc, thiết bị	Tại ngày 01/01/2019 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31/03/2019 VND
Nguyên giá	13.935.461.726	-	-	13.935.461.726
Giá trị hao mòn lũy kế	(3.677.591.702)	(1.161.288.477)	-	(4.838.880.179)
Giá trị còn lại	10.257.870.024			9.096.581.547

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2019	1.344.773.454	-	1.344.773.454
Chuyển từ XDCB	-	2.101.157.221	2.101.157.221
Tại ngày 31/03/2019	1.344.773.454	2.101.157.221	3.445.930.675
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2019	1.292.415.773	-	1.292.415.773
Khấu hao trong kỳ	11.913.237	-	11.913.237
Tại ngày 31/03/2019	1.304.329.010	-	1.304.329.010
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2019	52.357.681	-	52.357.681
Tại ngày 31/03/2019	40.444.444	2.101.157.221	2.141.601.665

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.288.773.454 VND.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Công trình văn phòng Hà Nội	-	27.079.955.621
Mua sắm tài sản cố định	64.215.400	261.416.858
Cộng	64.215.400	27.341.372.479

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Quyền sử dụng đất	7.846.731.853	7.940.892.634
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.978.023.492	4.678.726.448
Khác	4.666.724.706	4.666.724.706
Cộng	17.491.480.051	17.286.343.788

Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh đã dùng thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn là 7.846.731.853 đồng – Xem thêm mục 4.18.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/03/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:				
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	16.781.933.065	16.781.933.065	12.286.353.475	12.286.353.475
Phải trả cho người bán:				
Polaris Technologic Pty Ltd	18.468.343.519	18.468.343.519	59.643.750.506	59.643.750.506
Avu Pty Ltd	13.690.538.495	13.690.538.495	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển công nghệ Trí Nam	11.150.660.800	11.150.660.800	14.150.660.800	14.150.660.800
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ A1	8.842.624.087	8.842.624.087	8.842.624.087	8.842.624.087
Cisco International Limited	4.818.039.533	4.818.039.533	13.365.690.272	13.365.690.272
Công ty Cổ phần Công nghệ ELITE	386.199.480	386.199.480	21.350.212.471	21.350.212.471
Công ty TNHH Azbil Việt nam	-	-	15.347.232.962	15.347.232.962
Blue Sky Solutions Global Trading Co., Ltd	-	-	3.319.793.717	3.319.793.717
Phải trả cho các đối tượng khác	23.521.402.663	23.521.402.663	64.344.127.876	64.344.127.876
Cộng	97.659.741.642	97.659.741.642	212.650.446.166	212.650.446.166
Dài hạn:				
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Azbil Việt Nam	11.464.261.987	11.464.261.987	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Công nghệ Sửa chữa và Sản xuất Vật tư Kỹ thuật Trang bị Thông tin Quân sự Thế hệ mới	12.184.160.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Argibank	4.320.000.000	-
Công ty Quản lý Bay Miền Nam - Chi Nhánh Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam - Công ty TNHH	3.922.882.946	3.922.882.946
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc - Chi Nhánh Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam - Công ty TNHH	2.660.058.230	2.660.058.230
Ngân hàng TMCP Nam Á	-	3.168.206.000
Công ty Cổ phần Giải trí Và Thể thao Điện tử Việt Nam	-	858.818.326
Các đối tượng khác	12.166.832.264	9.501.981.823
Cộng	35.253.933.440	20.111.947.325

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2019		Trong kỳ		Tại ngày 31/03/2019	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.929.043.937	49.526.833.791	51.387.362.600	-	68.515.128
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	32.584.402	32.523.687	-	60.715
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.027.865.965	-	364.982.628	800.000.000	1.462.883.337	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	455.237.154	794.804.476	1.068.924.646	-	181.116.984
Các loại thuế khác	-	3.187.907.583	1.142.364.288	1.265.145.901	-	3.065.125.970
Cộng	1.027.865.965	5.572.188.674	51.861.569.585	54.553.956.834	1.462.883.337	3.314.818.797

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí trích trước tương ứng với doanh thu cung cấp dịch vụ đã thực hiện.

4.16. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu chưa thực hiện về cung cấp dịch vụ Internet cho khách hàng theo hợp đồng số 10.(DNG8b-DC) giữa Công ty và Ban Quản lý dự án Phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông tại Thành phố Đà Nẵng.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Kinh phí công đoàn	1.008.234.709	1.016.377.118
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.394.153.800	2.282.892.650
Các khoản phải trả, phải nộp khác	664.720.223	824.096.605
Cộng	<u>4.067.108.732</u>	<u>4.123.366.373</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.18. Vay và nợ thuế tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 01/01/2019 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 31/03/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	289.832.530.367	289.832.530.367	210.078.431.595	157.932.443.213	341.978.518.749	341.978.518.749
Vay dài hạn đến hạn trả	3.109.234.312	3.109.234.312	3.084.294.312	3.109.234.312	3.084.294.312	3.084.294.312
Cộng	292.941.764.679	292.941.764.679	213.162.725.907	161.041.677.525	345.062.813.061	345.062.813.061
Dài hạn:						
Nợ thuế tài chính	7.113.746.880	7.113.746.880	-	771.073.578	6.342.673.302	6.342.673.302
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(3.109.234.312)	(3.109.234.312)	(3.084.294.312)	(3.109.234.312)	(3.084.294.312)	(3.084.294.312)
Cộng	4.004.512.568	4.004.512.568	(3.084.294.312)	(2.338.160.734)	3.258.378.990	3.258.378.990
Tổng cộng	296.946.277.247	296.946.277.247	210.078.431.595	158.703.516.791	348.321.192.051	348.321.192.051

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn chịu lãi suất từ 5,8%/năm đến 8%/năm đối với VND. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng, tài sản hình thành từ vốn vay và hệ thống máy chủ và thiết bị mạng và Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U14b-16A, đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại lần lượt là 8.492.118.700 đồng và 7.846.731.853 đồng – Xem thêm mục 4.7 và mục 4.11;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và khách hàng;
- Hàng hóa, khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, số tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ phương án vay, các khoản phải thu hình thành từ phương án vay.

Nợ thuế tài chính dài hạn là các khoản vay theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho Thuế Tài Chính Quốc Tế Việt Nam có thời hạn 3 năm, lãi suất 7,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19. Vốn chủ sở hữu****4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2018	90.000.000.000	1.013.725.739	33.103.596.767	124.117.322.506
Tăng vốn trong năm trước	8.999.060.000	-	-	8.999.060.000
Lãi trong năm trước	-	-	12.179.477.688	12.179.477.688
Chia cổ tức	-	-	(17.999.060.000)	(17.999.060.000)
Trích quỹ	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
Sử dụng quỹ	-	(573.585.969)	-	(573.585.969)
Tại ngày 01/01/2019	98.999.060.000	3.440.139.770	24.284.014.455	126.723.214.225
Lãi trong kỳ này	-	-	1.414.033.247	1.414.033.247
Chia cổ tức	-	-	(9.899.906.000)	(9.899.906.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	(3.674.570.091)	(3.674.570.091)
Tại ngày 31/03/2019	98.999.060.000	3.440.139.770	12.123.571.611	114.562.771.381

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ông Nguyễn Đức Quang	18.878.930.000	18.878.930.000
Cổ đông khác	80.120.130.000	80.120.130.000
Cộng	98.999.060.000	98.999.060.000

4.19.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/03/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.899.906	9.899.906
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.899.906	9.899.906
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.899.906	9.899.906

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/03/2019	Tại ngày 01/01/2019
Ngoại tệ các loại:		
USD	95.397,68	20.825,97

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu tích hợp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin	120.131.256.733	627.105.515.857
Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.769.129.079	236.805.702.038
Cộng	159.900.385.812	863.911.217.895
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 7	74.022.069.423	266.566.351.330

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn tích hợp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin	101.352.576.047	604.530.917.258
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	32.912.558.347	172.062.511.283
Cộng	<u>134.265.134.394</u>	<u>776.593.428.541</u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.581.375	232.123.953
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6.905.574	256.714.315
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	336.927.541	2.911.488.223
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.440.583.900
Cộng	<u>350.414.490</u>	<u>9.840.910.391</u>

5.4. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	5.131.196.347	19.496.707.791
Lãi tiền vay từ các bên liên quan	-	10.833.333
Lỗ chênh lệch tỷ giá	33.549.557	1.189.138.074
Dự phòng tổn thất đầu tư	3.019.068.912	8.254.379.064
Cộng	<u>8.183.814.816</u>	<u>28.951.058.262</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí bán hàng**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	578.630.075	4.708.065.597
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.255.169	75.425.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.816.665	132.484.032
Chi phí bảo hành	4.261.072	557.683.198
Chi phí Pre – sales	3.084.069.318	839.891.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	337.686.656	2.245.070.595
Chi phí bằng tiền khác	147.534.784	5.351.637.735
Cộng	4.166.253.739	13.910.258.117

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.783.865.661	29.973.188.402
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng	719.894.101	1.866.078.381
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.260.440.178	3.025.436.505
Chi phí điện, nước, thuê mặt bằng	368.827.863	2.918.664.987
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.062.257.592	5.939.690.308
Chi phí bằng tiền khác	1.190.072.407	8.440.471.738
Cộng	12.385.357.802	52.163.530.321

5.7. Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	291.953.103	9.437.585.964
Thanh lý tài sản cố định	636.363	-
Thu nhập khác	304.096.268	2.352.242.587
Cộng	596.685.734	11.789.828.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí hàng hóa, nguyên liệu	101.352.576.047	597.845.154.949
Chi phí nhân công	7.362.495.736	34.681.253.999
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.810.013.633	11.955.040.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.227.904.062	182.457.791.034
Chi phí khác bằng tiền	2.063.756.461	15.727.976.849
Cộng	150.816.745.939	842.667.216.979

5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	364.982.628	340.292.986
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	172.473.579
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	364.982.628	512.766.565

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	1.841.925.281	12.790.522.099
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	13.030.145	456.147.751
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(30.042.285)	(6.440.810.138)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	1.824.913.141	6.805.859.712
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	10%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	364.982.628	680.585.972
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm (50%) đối với doanh nghiệp Khoa Học Công Nghệ	-	(340.292.986)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	364.982.628	340.292.986

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như:

- Chi phí không có hóa đơn chứng từ;
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	210.078.431.595	701.788.585.363

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(157.932.443.213)	(665.959.928.839)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	Công ty con
3. Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	Công ty con
4. Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	Công ty con
5. Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	Công ty con
6. Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	Công ty con
7. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	Công ty con
8. Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	Công ty liên kết
9. Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	Công ty liên kết
10. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	Công ty liên kết
11. Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos	Công ty liên kết
12. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	40.010.351.167	63.709.631.314
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	7.077.935.619	19.604.086.461
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	-	14.097.861.006
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	43.378.879	9.692.474.085
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	2.188.961.232	1.061.158.847
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	2.183.172.241	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	58.750.000	4.122.015.365
Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	462.000.000	462.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	66.000.000	-
Cộng – Xem thêm mục 4.3	52.090.549.138	112.749.227.078
	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu dài hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	12.865.934.460	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	13.192.762.553	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	9.675.629.047	-
Cộng – Xem thêm mục 4.2	35.734.326.060	-
	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Trả trước cho người bán:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	-	28.773.481
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	-	18.106.124
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	25.812.136	17.166.717
Cộng – Xem thêm mục 4.4	25.812.136	64.046.322

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu khác:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	-	1.205.583.900
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	-	3.965.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	1.270.226.238	1.270.226.238
Cộng – Xem thêm mục 4.5	1.270.226.238	6.440.810.138
	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu dài hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	12.865.934.460	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	13.192.762.553	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Số Sao Bắc Đầu	9.675.629.047	-
Cộng – Xem thêm mục 4.2	35.734.326.060	-
	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải trả người bán:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	(84.715.463)	(601.245.483)
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	(11.752.427.972)	(7.651.058.243)
Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	(3.788.356.448)	(3.449.703.640)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	-	(584.346.109)
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	(1.156.433.182)	-
Cộng – Xem thêm mục 4.12	(16.781.933.065)	(12.286.353.475)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	1.081.663.780	5.290.855.053
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	1.752.930.570	14.902.228.367
Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	135.000.000	3.649.638.261
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	20.739.989.899	87.104.261.872
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	46.526.217.143	132.902.121.046
Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	-	20.192.333.062
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	3.726.268.031	2.104.913.669
Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	-	420.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	60.000.000	-
Cộng – Xem thêm mục 5.1	74.022.069.423	266.566.351.330
Mua hàng hóa và dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam	2.443.156.614	8.309.482.153
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	53.448.289	371.131.339
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu	45.059.978	599.397.162
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	3.644.509.371	12.641.020.840
Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	302.778.179	3.181.544.990
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	183.093.755	2.851.701.588
Cộng	6.672.046.186	27.954.278.072
Góp vốn:		
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu	-	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu	-	9.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas	-	2.400.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	-	1.960.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH	775.000.000	1.100.000.000
Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos	-	400.000.000
Cộng	775.000.000	28.860.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có tài sản bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Thù lao và thu nhập	1.430.575.530	6.308.558.770

8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 VND	Năm 2018 VND
Thù lao	127.869.600	216.578.400

9. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Công ty đang thuê một bộ phận riêng biệt của máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính 3 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn 3 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

Thời hạn	Tại ngày 31/03/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Từ 1 năm trở xuống	3.084.294.312	3.109.234.312
Trên 1 năm đến 5 năm	3.258.378.990	4.004.512.568
Cộng	6.342.673.302	7.113.746.880

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 số 03/NQ-ĐHCĐ-2019 ngày 22/04/2019, Công ty chính thức chuyển đổi kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm hiện hành và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm tiếp theo, do vậy báo cáo tài chính của năm chuyển đổi này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 31 tháng 03 năm 2019. Những thông tin năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày tương ứng với số liệu của báo cáo tài chính của năm trước từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, các số liệu này không có tính so sánh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC GIAI ĐOẠN TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Lê Hồng Phong
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2019

Bùi Thị Thúy Hồng
Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Nam
Người lập